

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC THU, MIỄN, GIẢM, THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐND TỈNH

NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THAY THẾ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh		
Điều 1. Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, như sau:		Thiết kế lại bố cục Nghị quyết theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh .	Giữ nguyên phạm vi điều chỉnh, tuy nhiên tại dự thảo Nghị quyết xây dựng cụ thể phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh để tránh các cơ quan, đơn vị không bị lẫn với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính
2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Thiết kế lại bố cục và quy định lại đối tượng để đảm bảo theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
a) Đối tượng nộp phí, lệ phí gồm: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí.	1. Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí.	
b) Tổ chức thu phí, lệ phí gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí.	2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.	
c) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí	3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến khai, thu, nộp phí, lệ phí, quản lý và sử dụng phí.	
	Điều 3. Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3. Mức thu phí, lệ phí và đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí (có biểu chi tiết kèm theo).	1. Mức thu phí, lệ phí và đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí (Có biểu chi tiết kèm theo).	Có biểu so sánh và thuyết minh kèm theo

NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THAY THẾ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	2. Khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí	Nội dung bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí
	a) Người nộp phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí cho tổ chức thu phí, lệ phí theo từng lần phát sinh bằng một trong các hình thức sau:	- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí quy định: "1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp. ..." - Tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định: "2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí." Từ các căn cứ nêu trên cần thiết bổ sung quy định về hình thức nộp phí, lệ phí.
	Nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước.	
	Nộp cho tổ chức thu phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí hoặc tài khoản phí, lệ phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí, lệ phí.	
	Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, lệ phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).	
	b) Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện khai, nộp phí, lệ phí thu được như sau:	- Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí quy định: "1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp. ..." - Tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định: "2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí." Từ các căn cứ nêu trên cần thiết bổ sung quy định về khai nộp phí, lệ phí.
	Cơ quan nhà nước thu phí, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật là cơ quan nhà nước thu phí và các tổ chức thu lệ phí thực hiện khai, nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.	
	Chậm nhất ngày 5 hàng tháng, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật (không bao gồm tổ chức được giao thu phí là cơ quan nhà nước) thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được tháng trước (bằng tiền mặt và bằng tài khoản chuyên thu phí, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước. Chậm nhất ngày 20 hàng tháng, tổ chức thu phí thực hiện khai phí đối với số tiền phí thu được tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước.	

NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THAY THẾ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	Hàng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.	
4. Tỷ lệ phần trăm trích để lại cho các tổ chức thu phí, lệ phí	4. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí:	
a) Các cơ quan quản lý nhà nước được giao thu phí, các cơ quan, đơn vị được giao thu lệ phí thực hiện nộp 100% số phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.	a) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của pháp luật là cơ quan nhà nước thực hiện nộp toàn bộ số phí thu được (100%) vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	- Tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí quy định: “Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật này.” - Luật NSNN năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026) quy định: Tại điểm a khoản 1 Điều 5: “a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện;” Tại khoản 3 Điều 76 sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, như sau: Khoản 1 Điều 12 bỏ cụm từ: “trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN.” -Tại điểm d khoản 2 Điều 16 Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 quy định: “d) Dự toán các khoản thu phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện (chi tiết từng khoản thu), bao gồm: - Dự toán thu phí, lệ phí phải nộp 100% NSNN theo quy định; - Dự toán chi cho công tác thu: Trên cơ sở nội dung đánh giá tại tiết 1 Khoản 2 Điều 4 Thông tư này, lập dự toán năm 2026 bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp, các nhiệm vụ thực hiện trong 01 năm dự toán (kèm thuyết minh chi tiết).” Từ các căn cứ nêu trên cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng phí đảm bảo
b) Các đơn vị sự nghiệp công lập được giao thu phí được trích để lại để chi hoạt động cung cấp dịch vụ theo tỷ lệ sau:	b) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật (trừ tổ chức được giao là cơ quan nhà nước) thực hiện được để lại một phần số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước, theo tỷ lệ sau:	- Phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí.
- Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Để lại đơn vị 50%, nộp ngân sách nhà nước 50% số phí thu được.	- Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử: Để lại đơn vị 50%, nộp ngân sách nhà nước 50% số phí thu được.	Đối với các loại phí này Sở Văn hóa thể thao và Du lịch đề xuất tỷ lệ để lại là 100%, tuy nhiên Sở Văn hóa thể thao và Du lịch không đánh giá xây dựng dự toán cả năm về chi phí dự kiến cần thiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ; dự toán cả năm về thu phí; do đó, Sở Tài chính đề xuất kế thừa tỷ lệ phần trăm (%) để lại theo Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh
- phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Để lại đơn vị 10%, nộp ngân sách nhà nước 90% số phí thu được.		- Đối với các loại phí này được giao cho Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện thu, Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp, giai đoạn 2026-2030 đơn vị này được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2)

NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THAY THẾ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí đăng ký giao dịch bảo đảm: Để lại đơn vị 90%, nộp ngân sách nhà nước 10% số phí thu được.	- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Để lại đơn vị 90%, nộp ngân sách nhà nước 10% số phí thu được.	- Theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường thì tỷ lệ để lại các loại phí này là 100%, tuy nhiên, qua báo cáo thu và chi của Sở Nông nghiệp và Môi trường thì đối với các loại phí này chưa chi hết vẫn để chuyển nguồn sang năm sau, đồng thời, theo dự toán của đơn vị đề xuất là chưa phù hợp. Từ các lý do trên, Sở Tài chính đề xuất điều chỉnh tỷ lệ để lại đối với một số loại phí (phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) như dự thảo Nghị quyết đã quy định
	- Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu: Để lại đơn vị 50%, nộp ngân sách nhà nước 50% số phí thu được.	Hiện nay, phí này được giao cho Trung tâm dịch vụ Khu kinh tế thực hiện thu phí; Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu, có chức năng quản lý, khai thác, thu phí, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Do đó, để phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy và nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định việc đề xuất trích để lại là phù hợp với Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.
	c) Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Bổ sung nội dung để đảm bảo theo quy định tại Điều 13 Luật Phí và lệ phí năm 2015.
Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao	Điều 4. Tổ chức thực hiện	
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.	1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.	
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.	
Điều 3. Hiệu lực thi hành	Điều 5. Điều khoản thi hành	
	1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.	
1. Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.	2. Các nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:	Theo quy định của Luật ban hành VBQPPL và để tạo thuận lợi cho việc tra cứu, trích dẫn văn bản, Sở Tài chính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung.
	a) Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.	
	b) Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí và mức thu phí, lệ phí tại biểu chi tiết kèm theo Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.	
	3. Các nội dung về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng, quyết toán phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14,	Bổ sung nội dung thi hành, đảm bảo việc thực hiện khi Nghị quyết được ban hành.

NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THAY THẾ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	<i>4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.</i>	Giữ như quy định hiện hành và có hoàn chỉnh lại câu chữ cho phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.
2. Nghị quyết này được thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.	Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 7 năm 2026	